

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

Số: 64/TT-HĐQTCSVN



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển đến hết năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT – TTg ngày 06/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp đổi mới hoạt động của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy nguồn lực đầu tư của 19 Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trực thuộc;

Căn cứ Thông báo số 240/TB – VPCP ngày 23/6/2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thường trực chính phủ làm việc với 19 Tập đoàn, Tổng công ty trực thuộc Ủy ban về tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 tháng đầu năm 2023 và giải pháp đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh thời gian tới;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần;

Theo Tờ trình số 56/TTr – CSVN ngày 25/01/2024 của Tổng Giám đốc;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông nội dung chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển đến hết năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

1. Giữ vững vị thế của Tập đoàn là doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực trồng, chế biến, kinh doanh cao su tự nhiên; chế biến gỗ nhân tạo; sản phẩm công nghiệp cao su; đầu tư kinh doanh các khu công nghiệp; nông nghiệp công nghệ cao. Trong đó đứng vị trí thứ nhất về lĩnh vực trồng, chế biến, kinh doanh cao su tự nhiên.

2. Tiên phong về đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và áp dụng khoa học công nghệ trong trồng cao su, trồng rừng nguyên liệu, khai thác chế biến và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nâng cao giá trị mủ cao su, gỗ cao su, rừng trồng, tín chỉ carbon,...

3. Phát triển doanh nghiệp hài hòa trên cả ba trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi

trường, lấy sự ổn định và tăng trưởng bền vững là mục tiêu xuyên suốt; trong đó phát triển các lĩnh vực ngành nghề SXKD chính trên cơ sở ứng dụng khoa học và công nghệ là động lực quan trọng nhất để phát triển bền vững Tập đoàn.

4. Khai thác có hiệu quả cao nhất quỹ đất đủ điều kiện để phát triển các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp để phân đầu là doanh nghiệp đứng đầu cả nước trong lĩnh vực phát triển Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nâng cao hiệu quả và giá trị vốn hoá của Tập đoàn.

5. Nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của Tập đoàn trên cơ sở nền tảng công nghệ hiện đại; đổi mới phương thức quản lý, quản trị theo chuẩn mực quốc tế tiệm cận các nước phát triển; củng cố và phát triển thương hiệu VRG trên thị trường trong và ngoài nước; cơ cấu ngành nghề hợp lý hơn, tập trung vào các lĩnh vực ngành nghề SXKD chính là nòng cốt, phát triển bền vững; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

6. Duy trì mức vốn điều lệ hiện tại đến năm 2025, trong đó tỷ lệ vốn nhà nước tại Tập đoàn thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 1479/QĐ-TTg ngày 19/11/2022); duy trì các ngành nghề chính, bổ sung ngành nghề kinh doanh mới khi cần thiết theo quy định của pháp luật.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

1. Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2021 – 2025

a) Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2025 đạt mức 28.575 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt khoảng 5%; tổng doanh thu hợp nhất giai đoạn 2021-2025 ước đạt 135.000 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ đạt doanh thu 4.115 tỷ đồng vào năm 2025, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt khoảng 3,1%; tổng doanh thu Công ty mẹ - Tập đoàn giai đoạn 2021-2025 ước đạt 19.790 tỷ đồng;

b) Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2025 đạt mức 5.051 tỷ đồng; tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất giai đoạn 2021-2025 ước đạt 25.075 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ - Tập đoàn đạt 1.512 tỷ đồng vào năm 2025, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt khoảng 3% đến 4%; tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ - Tập đoàn giai đoạn 2021-2025 ước đạt 8.437 tỷ đồng;

c) Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ - Tập đoàn giai đoạn 2021-2025 trung bình khoảng 3,88%/năm.

d) Tổng số lao động bình quân hàng năm toàn Tập đoàn giai đoạn 2021-2025 là 82.848 người/năm, đến năm 2025 đạt 87.070 người. Trong đó Công ty mẹ - Tập đoàn là 213 người/năm, đến năm 2025 đạt 225 người;

đ) Thu nhập bình quân đầu người hàng năm toàn Tập đoàn đến 2025 khoảng 101 triệu đồng/người/năm, trong đó Công ty mẹ - Tập đoàn bình quân đầu người hàng năm khoảng 262 triệu đồng/người/năm.

2. Chỉ tiêu chiến lược, kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030

a) Nâng tỷ trọng doanh thu hoạt động SXKD chính (trồng, chế biến, kinh doanh cao su; chế biến gỗ nhân tạo; sản phẩm công nghiệp cao su; đầu tư kinh doanh các khu công nghiệp/cụm công nghiệp; nông nghiệp công nghệ cao) đến năm 2030 lên 95%.

b) Nâng tỷ trọng cơ cấu lợi nhuận các hoạt động SXKD chính (trồng, chế biến, kinh doanh cao su; chế biến gỗ nhân tạo; sản phẩm công nghiệp cao su; đầu tư kinh doanh các khu công nghiệp/cụm công nghiệp; nông nghiệp công nghệ cao) chiếm khoảng 70-80%.

c) Tốc độ tăng trưởng của Tập đoàn giai đoạn 2026-2030 bình quân đạt khoảng 5% đến 6 %/năm.

3. Tầm nhìn tới năm 2035

a) Duy trì vị trí hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực trồng, chế biến, kinh doanh cao su; chế biến gỗ nhân tạo; sản phẩm công nghiệp cao su; đầu tư kinh doanh các khu công nghiệp; nông nghiệp công nghệ cao; giữ vững vai trò tiên phong trong ngành nông nghiệp về đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và áp dụng khoa học công nghệ trong trồng, khai thác, chế biến cao su và sản xuất băng tải, sản phẩm nhúng, các đồ dùng từ cao su và cây nông nghiệp khác. Sở hữu được những vùng trồng rừng gỗ lớn; chuyển đổi một phần diện tích sang các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao.

b) Tham gia sâu rộng, đầy đủ với tư cách là nhà đầu tư kinh doanh tín chỉ carbon.

c) Xây dựng hệ sinh thái ngành cao su, bao gồm các ngành kinh doanh chính và các ngành phụ trợ cho hoạt động sản xuất; hình thành các nhà máy, các trung tâm chế biến cao su, chế biến sản phẩm cao su, chế biến gỗ tiên tiến, hiện đại phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Phát triển sản phẩm mang thương hiệu VRG theo hướng chuẩn đồng bộ, có thương hiệu và bản sắc riêng của VRG vươn tầm quốc tế.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh chính

a) Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực, điều kiện, chất lượng sản phẩm cao su tự nhiên thương hiệu VRG; đổi mới quy trình công nghệ chế biến và yêu cầu quản lý phù hợp. Đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin hướng tới chuyên đổi số trong quản lý sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cao su tự nhiên, ứng dụng mô hình kinh doanh trực tuyến. Thực hiện việc gia hạn bảo hộ quốc tế các nhãn hiệu hàng hóa cao su, mở rộng đăng ký bảo hộ quốc tế với những nhãn hiệu hàng hóa mới của Tập đoàn. Thực hiện chiến lược quảng bá sản phẩm theo hướng nhất quán từ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên.

b) Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất; tăng vốn cho các đơn vị chế biến gỗ có tiềm năng để phát triển các mặt hàng sản phẩm chủ lực, có ưu thế cạnh tranh cao và bền vững. Tìm kiếm các đối tác có năng lực để liên doanh liên kết theo

hướng thành lập các liên doanh mới có quy mô lớn trong lĩnh vực sản xuất chế biến gỗ rừng trồng, đặc biệt là lĩnh vực chế biến gỗ (như viên nén gỗ năng lượng, particle board, ván dăm gỗ định hướng...). Đây mạnh công tác dự báo, tổng hợp thông tin, nắm bắt thường xuyên, chặt chẽ tình hình thị trường trong nước về giá cả, sản lượng gỗ nhập khẩu, nhu cầu và tâm lý khách hàng.

c) Thành lập bộ máy chuyên nghiệp để phát triển hạ tầng khu công nghiệp theo hướng hiện đại và quản lý tập trung để huy động nguồn lực trong công tác xúc tiến đầu tư và quản trị hệ thống theo mô hình quản trị khu công nghiệp/cụm công nghiệp hiện đại. Định hướng cho các đơn vị đầu tư Khu công nghiệp/cụm công nghiệp chuyển đổi theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong các khu công nghiệp, giảm lãng phí tài nguyên và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Đây mạnh việc liên kết, hội nhập với các tổ chức, hiệp hội chuyên ngành về bất động sản công nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau phát triển SXKD; đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước về giải pháp phát triển Khu công nghiệp/Cụm công nghiệp nói riêng và phát triển bền vững bất động sản công nghiệp nói chung.

d) Phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo từng vùng sinh thái, phát huy thế mạnh có sẵn của Tập đoàn. Nghiên cứu, xác định loại cây trồng và quy hoạch trồng theo mục tiêu kinh doanh và điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế vùng và từng địa phương. Ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin công nghệ 4.0, trí tuệ nhân tạo vào theo dõi, quản lý các dự án nông nghiệp công nghệ cao.

2. Giải pháp về nguồn vốn

Xem xét, báo cáo chủ sở hữu đề bổ sung vốn tại các công ty con có các dự án đầu tư phát triển phù hợp với nhóm ngành nghề kinh doanh chính trên cơ sở phương án tăng vốn đảm bảo theo đúng quy định. Đồng thời cho phép các công ty con trích quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn tiếp tục tái đầu mở rộng, gia tăng quy mô vốn tại các đơn vị. Sử dụng nguồn vốn vay với tỷ lệ phù hợp theo từng lĩnh vực, doanh nghiệp để phát huy tác dụng của đòn bẩy tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả SXKD.

3. Giải pháp về thị trường

a) Đảm bảo sản phẩm các nhóm ngành nghề có chất lượng, ổn định, đa dạng. Triển khai các chứng chỉ rừng đối với diện tích cao su để đáp ứng các tiêu chuẩn mới tại các thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam là Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản... từ đó tăng tính cạnh tranh sản phẩm gỗ, gỗ.

b) Tăng cường tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, giao lưu kết nối với các hiệp hội kinh doanh, chế biến gỗ nhằm tăng độ nhận diện thương hiệu, quảng bá sản phẩm, cập nhật các xu hướng và công nghệ mới nhằm định hướng phát triển các sản phẩm mới và kết nối với đối tác hợp tác kinh doanh tiềm năng.

4. Giải pháp về sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tạo sự nhất trí cao trong toàn hệ thống chính trị để nâng cao hơn nữa nhận thức và có hành động quyết liệt, cụ thể trong thực hiện.

b) Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2021 - 2025, 2026 - 2030 của các đơn vị thành viên theo quy định, phù hợp với Đề án cơ cấu lại của Tập đoàn từng giai đoạn sau khi được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu các công ty con với việc tổ chức thực hiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp, tổ chức và giám sát việc triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án được duyệt.

c) Tiếp tục rà soát, đề xuất thoái vốn tại các đơn vị hoạt động không hiệu quả, thua lỗ nhiều năm, không còn tiềm năng lợi thế và ngành nghề, hoạt động SXKD chính không còn phù hợp với ngành nghề chính của Tập đoàn để tập trung nguồn lực mở rộng, phát triển cho các đơn vị hoạt động có hiệu quả.

5. Giải pháp về quản trị và nguồn nhân lực

a) Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, chính sách... về công tác nhân sự theo các quy định của Đảng, Nhà nước và phù hợp với mô hình và hoạt động của Tập đoàn.

b) Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ chủ chốt của Tập đoàn, đảm bảo phù hợp với các quy định của Đảng, Nhà nước và Ủy ban như cơ cấu về độ tuổi, giới tính, nguồn quy hoạch.

c) Đào tạo và tự đào tạo nguồn nhân lực nội bộ đối với người lao động nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện phù hợp với công việc; bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ. Cử cán bộ ra nước ngoài đào tạo về chuyên ngành thuộc các nhóm ngành nghề chính.

d) Tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn thể người lao động về phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên phong trào tự học, tạo sự chuyển đổi nhận thức của người lao động từ yêu cầu bắt buộc phải học tập nâng cao trình độ thành nhu cầu tự học để khẳng định mình và cống hiến được nhiều hơn thông qua các hình thức như: tham gia các khóa học chuyên môn, khen thưởng vật chất cho những người xứng đáng, tham gia các phong trào thi đua, sản xuất.

đ) Xây dựng, chuẩn hoá hệ thống chức danh theo vị trí công việc đối với cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật, khung năng lực cho các vị trí. Cải tiến phương thức làm việc, giảm thiểu các công đoạn không làm gia tăng giá trị, đảm bảo tính chuyên nghiệp cao trong môi trường làm việc.

6. Giải pháp về chiến lược hợp tác và liên doanh

a) Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác gắn bó truyền thống với các đối tác

sẵn có, đẩy mạnh các hoạt động thường xuyên cập nhật thông tin, trao đổi những ý tưởng đầu tư kinh doanh mới để tận dụng khả năng, thế mạnh của các bên nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các bên.

b) Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm, mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các đối tác mới trong và ngoài nước; nghiên cứu các dự án phát triển mở rộng quy mô hợp tác, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư nâng cao hiệu quả SXKD tại các công ty liên doanh/liên kết của Tập đoàn đang hoạt động hiệu quả, lợi thế kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực còn nhiều tiềm năng phát triển như đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trên đất cao su chuyển đổi, chế biến gỗ... tận dụng lợi thế về nguồn lực, khả năng của các bên đối tác, tiếp cận nguồn vốn đầu tư có lãi suất thấp, nâng cao công nghệ quản lý và sản xuất theo hướng hiện đại.

c) Tập trung phát triển hợp tác đầu tư, chuyên giao công nghệ kỹ thuật tiên tiến, hiện đại với định hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, quản lý và kinh doanh tín chỉ carbon, năng lượng sinh khối.

d) Tăng cường tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, các tổ chức, hội nhóm các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cùng ngành của Việt Nam cũng như quốc tế để đảm bảo luôn cập nhật, nắm bắt thông tin về tình hình, xu hướng, định hướng phát triển của thị trường quốc tế trong lĩnh vực trồng, chế biến, kinh doanh cao su; chế biến ván sợi; sản phẩm công nghiệp cao su, chế biến gỗ, tín chỉ carbon, năng lượng sinh khối.

7. Giải pháp về tăng trưởng xanh và bền vững

a) Xây dựng và hoàn thiện khung cơ chế, chính sách về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững cho toàn Tập đoàn theo hướng tích hợp các mục tiêu, giải pháp tăng trưởng xanh để thúc đẩy cơ cấu lại hoạt động SXKD gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tối ưu hóa nguồn lực.

b) Tích hợp các mục tiêu, giải pháp, nội dung, các tiêu chí đầu tư cho tăng trưởng xanh vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển lĩnh vực, ngành nghề của Tập đoàn theo hướng giảm phát thải khí nhà kính và các chất gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn.

c) Đẩy mạnh áp dụng công cụ kinh tế xanh đối với hoạt động SXKD, hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá doanh nghiệp tăng trưởng xanh nhằm đảm bảo tính thống nhất, minh bạch, cập nhật thường xuyên cho các chương trình, dự án, sản phẩm, công nghệ và ngành nghề của toàn Tập đoàn.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý các đơn vị thành viên của Tập đoàn trong giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược và mức độ xanh hóa của các đơn vị thành viên. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong toàn Tập đoàn về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung chiến lược

phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển đến hết năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP như đã báo cáo nêu trên để có cơ sở thực hiện các nội dung tiếp theo theo quy định.

2. Trường hợp khi thực hiện chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển đến hết năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP phát sinh nội dung cần điều chỉnh hoặc phát sinh nội dung mới chưa có trong chiến lược, kế hoạch như đã báo cáo, đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị quyết định, tổ chức thực hiện và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS, Ban TGD;
- Ban TCKT;
- Lưu: VT, KHĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Trần Công Kha